

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU VỀ LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU,
THUẾ NHẬP KHẨU SỬA ĐỔI****(Được Quốc Hội khóa XIII kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 6/4/2016)**

Ngày 14/06/2005, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006. Quan gần 10 năm thực hiện, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 đã tạo cơ sở pháp lý để xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cải cách hành chính, từng bước cắt giảm thuế theo lộ trình cam kết song phương và đa phương, thực hiện cơ chế quản lý thuế hiện đại theo nguyên tắc người nộp thuế tự khai, tự tính, tự nộp thuế, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tuy nhiên, trước xu thế phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, Việt Nam là thành viên của nhiều liên minh thuế quan và là mắt xích quan trọng của chuỗi cung ứng thương mại quốc tế, tham gia ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, Luật Thuế XNK số 45/2005/QH11 đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế, cần được bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với điều kiện, xu thế phát triển của đất nước. Rà soát, đánh giá tổng quan các quy định của Luật Thuế XNK số 45/2005/QH11 cho thấy: Luật cần phải được thay đổi để tạo sự chuyển biến căn bản các quy định về người nộp thuế, thuế suất, miễn giảm thuế, bảo đảm thống nhất với các Luật có liên quan đặc biệt là Luật Quản lý thuế, Luật Hải quan, Luật Đầu tư, Luật Thương mại.v.v.

Trên tinh thần đó, thực hiện chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh tại Nghị quyết số 89/2015/QH13 của Quốc hội, Chính phủ đã tổ chức xây dựng dự án Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi. Với tư cách là đơn vị được giao chủ trì soạn thảo dự án Luật, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự án Luật và trình Quốc Hội khóa XIII kỳ họp thứ 11 thông qua vào ngày 6/4/2016. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi được xây dựng theo quan điểm, mục tiêu như sau:

I. Quan điểm, mục tiêu xây dựng Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi

1. Quan điểm: Đổi mới về phương thức quản lý và chính sách thuế XNK phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế theo hướng ổn định, công khai, minh bạch; đồng thời, phát huy các công cụ phòng vệ về thuế, nâng cao vai trò của công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước; cải cách thủ tục hành chính, thu hút đầu tư và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Mục tiêu

a) Góp phần khuyến khích phát triển và bảo hộ hợp lý sản xuất kinh doanh trong nước.

b) Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất; đồng thời, khắc phục các vướng mắc phát sinh.

c) Đảm bảo thực thi các cam kết quốc tế và điều ước quốc tế về thuế XNK, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Thúc đẩy cải cách, hiện đại hóa thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người nộp thuế, cải thiện môi trường kinh doanh.

III. Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Luật thuế XK, thuế NK sửa đổi

1. Bộ cục của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi gồm 22 Điều. Được bố cục thành 5 Chương, cụ thể: Chương I: Những quy định chung, có 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4); Chương II: Căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế và biểu thuế, có 7 Điều (từ Điều 5 đến Điều 11); Chương III: Thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ, có 4 Điều (từ Điều 12 đến Điều 15); Chương IV: Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, có 4 Điều (từ Điều 16 đến Điều 19); Chương V: Điều khoản thi hành, có 3 Điều (từ Điều 20 đến Điều 22).

2. Những nội dung sửa đổi cơ bản theo 4 nhóm vấn đề.

2.1. Nhóm vấn đề sửa đổi, bổ sung để khuyến khích phát triển và bảo hộ hợp lý sản xuất kinh doanh trong nước phù hợp định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước và các cam kết quốc tế đã ký kết, như:

a. Bổ sung một số nội dung quy định về thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, thuế tự vệ (từ Điều 12 đến Điều 15);

b. Sửa đổi nguyên tắc ban hành Biểu thuế, thuế suất (Điều 10);

c. Sửa đổi thẩm quyền ban hành Biểu thuế XK, thuế NK và Biểu Khung thuế xuất khẩu theo hướng: (i) Danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất thuế xuất khẩu đối với từng nhóm hàng được quy định ngay trong Luật; (ii) Chính phủ quy định mức thuế suất cụ thể đối với từng mặt hàng trong biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu (Điều 11).

d. Sửa đổi, bổ sung quy định về miễn thuế hàng nhập khẩu của dự án ưu đãi đầu tư để thống nhất với quy định tại Luật đầu tư số 67/2014/QH13. Đồng thời, quy định việc miễn thuế nhập khẩu quy định tại khoản này không áp dụng đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản; dự án sản xuất sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên; dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (khoản 11, khoản 13 Điều 16),

đ. Bổ sung quy định về miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được nhằm góp phần hỗ trợ lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp phát triển (khoản 12, Điều 16),

e. Bổ sung quy định về miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền (khoản 17, Điều 16).

f. Bổ sung quy định ưu đãi thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để thống nhất với một số luật chuyên ngành như: để sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, phần mềm, nội dung số; hàng hóa nhập khẩu để bảo vệ môi trường... (khoản 18, khoản 19).

2.2. Nhóm vấn đề sửa đổi, bổ sung để góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, thống nhất với văn bản pháp luật liên quan; đồng thời khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật thuế XNK hiện hành, như:

a. Sửa đổi quy định về đối tượng chịu thuế, người nộp thuế (Điều 2):

b. Sửa đổi quy định về thuế suất thông thường (khoản 3, Điều 5).

c. Sửa đổi quy định về trị giá tính thuế và thời điểm tính thuế (Điều 8).

d. Sửa đổi quy định miễn thuế đối với hàng hóa mua bán trao đổi của cư dân biên giới (khoản 3, Điều 16).

2.3. Nhóm vấn đề sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thông lệ quốc tế, như:

a. Bổ sung quy định về áp dụng thuế xuất khẩu đối với trường hợp có hàng hóa xuất khẩu sang nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi về thuế xuất khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam (khoản 2, Điều 5)

b. Bổ sung quy định về áp dụng thuế suất đối với hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường nội địa đáp ứng các điều kiện về xuất xứ thì được áp dụng theo mức thuế suất ưu đãi tương ứng (điểm a, b, khoản 3, Điều 5).

c. Bổ sung quy định thời hạn nộp thuế đối với người nộp thuế được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật hải quan theo hướng được thực hiện nộp thuế cho các tờ khai hải quan đã thông quan hoặc giải phóng hàng hóa chậm nhất vào ngày 10 của tháng kế tiếp (Điều 9);

d. Bổ sung quy định về miễn thuế đối với hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu; miễn thuế đối với hàng hóa không nhằm mục đích thương mại trong các trường hợp: hàng mẫu; phim, ảnh, mô hình để làm mẫu; ấn phẩm quảng cáo số lượng nhỏ (khoản 5, khoản 10 Điều 16).

đ. Bổ sung quy định về miễn thuế đối với hàng hóa thuộc chế độ tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập có thời hạn, không mang mục đích thương mại (khoản 9, Điều 16).

2.4. Nhóm vấn đề sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; góp phần thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, như:

a. Chuyển hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập để sản xuất hàng xuất khẩu từ đối tượng phải nộp thuế khi nhập khẩu, được hoàn thuế khi xuất khẩu sang đối tượng miễn thuế để khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, đơn giản thủ tục hành chính, phù hợp với thông lệ quốc tế (khoản 7, Điều 16).

b. Chuyển hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất từ đối tượng chịu thuế ở khâu nhập khẩu và thực hiện hoàn thuế khi xuất khẩu sang đối tượng miễn thuế có điều kiện về bảo lãnh, đặt cọc phù hợp với thông lệ quốc tế (điểm e, khoản 9, Điều 16).